TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2361/2022/QĐST-DS
Ngày: 30-11-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN B THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mỹ Trang - Thư ký Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên toà:

Bà Phan Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 210/2022/TLST-DS ngày 08/02/2022 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 546/2022/QĐXXST-DS ngày 10/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 342/2022/QĐST-DS ngày 03/11/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín

Trụ sở: số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Uyên Thi (có mặt)

(Giấy ủy quyền số 01/2022/UQ-CNTĐ ngày 13/6/2022)

Bị đơn : Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988(vắng mặt)

Địa chỉ: 298/7 Phan Văn Trị, Phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2021, tại bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ký kết hợp đồng:

Ngày 07/10/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và bà Nguyễn Thị H có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng gọi tắt là Hợp đồng tín dụng), loại thẻ cá nhân tín chấp. Căn cứ vào thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 486265-2878 với tổng hạn mức tín dụng là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) cho bà H sử dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Thực hiện hợp đồng:

Sau khi được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng, bà H đã sử dụng thẻ để giao dịch với tổng số tiền ghi nợ là 1.639.042.045đồng. Do bà H thường xuyên không thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng nên bà H còn phải toán các khoản phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức và phí. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng từ khi kích hoạt đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 1.616.552.948đồng, từ tháng 5/2021 bà H ngưng không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho bà H trả nợ. Ngày 30/8/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ của bà H sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 30/11/2022, bà H còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Nợ gốc: 67.006.456 đồng
- Lãi quá hạn 47.735.184 đồng

Tổng cộng: 114.741.640 đồng

Yêu cầu đòi nợ:

Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc phía bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ vay phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng số 486265-2878 cho Ngân hàng số tiền tổng cộng 114.741.640 đồng (tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/11/2022).

Bị đơn – bà Nguyễn Thị H: Bà H đã vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù Toà án nhân dân quận B đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật đối với bà H.

Tại phiên toà:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn – bà Nguyễn Thị H thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tổng cộng là 114.741.640 đồng, trong đó bao gồm tiền gốc là 67.006.456 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 30/11/2022 là 47.735.184 đồng.

Bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/12/2022 trên số tiền nợ gốc cho đến khi trả dứt nợ, theo mức lãi suất quá hạn được quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bảng điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã ký kết.

Thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán: Thanh toán dứt điểm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tống đạt theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng bà H vẫn không có mặt tham gia tố tụng, cũng không có ý kiến gì phản hồi thông báo thụ lý vụ án của Tòa án.

Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 12/7/2022 và lúc 08 giờ 00 phút ngày 27/7/2022 cho bà H, nhưng bà H vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Phần tranh luận: Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng không có ý kiến phát biểu tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, xác định vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, việc gửi, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại các Điều 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử gồm những thành viên như đã công bố trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn – bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của đương sự; nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và bà Nguyễn Thị H là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản của Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị H khai địa chỉ cư trú vào thời điểm ký hợp đồng với nguyên đơn tại số 298/7 Phan Văn Trị, Phường 11, quận B. Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phúc đáp Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 336/2022/QĐ-CCTLCC ngày 15/3/2022 của Tòa án nhân dân quận B đã xác minh "bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 có đăng tạm trú tại số 298/7 Phan Văn Trị, Phường 11, quận B ngày 13/7/2016 đến ngày 13/7/2018, hiện không còn cư ngụ tại địa phương, đi đâu không rõ địa chỉ" nên có cơ sở xác định nơi cứ trú cuối cùng của bà H là địa chỉ trên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần 1 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 03/11/2022 và lần 2 lúc 08 giờ 00 phút ngày 30/11/2022 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn :

Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền nợ gốc là 67.006.456đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) ngày 07/10/2016; Bảng tóm tắt sao kê thẻ tín dụng số 486265-2878 cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nguyên đơn đã cấp thẻ tín dụng cho bị đơn sử dụng với hạn mức 60.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 1.639.042.045đồng. Trong suốt quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.616.552.948đồng (trong đó bao gồm tiền nợ gốc, tiền lãi, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí). Từ tháng 5/2021 đến nay, bị đơn ngưng không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần và tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ. Ngày 30/8/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại của bị đơn sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc phát sinh từ những giao dịch sử dụng thẻ tín dụng số 486265-2878 mà nguyên đơn đã cấp cho bị đơn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và phù hợp với quy định tại các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H thanh toán tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/11/2022 là 47.735.184 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng các bên đã thống nhất thỏa thuận, lãi suất được áp dụng theo biểu lãi suất thẻ tín dụng, nên việc bà H không thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi theo đúng thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Xem xét về thời gian tính lãi, mức lãi suất và phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí mà ngân hàng đã áp dụng là hoàn toàn phù hợp thỏa thuận của các bên đương sự được quy định tại các Điều 2, Điều 23 và Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 ; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, yêu cầu về thanh toán tiền lãi quá hạn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

Trong khi đó, bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình toà án tiến hành điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên toà hôm nay, mặc dù toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho phía bị đơn. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại toà để

bảo vệ quyền lợi cho mình. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của bị đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền tổng cộng là 114.741.640 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm bốn mươi mốt ngàn sáu trăm bốn mươi đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc 67.006.456đồng và 47.735.184đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/11/2022 là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận toàn bộ như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B.

[4].Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Luật án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Buộc bị đơn – bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, số thẻ 486265-2878 ký ngày 07/10/2016 tổng cộng là 114.741.640 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm bốn mươi mốt ngàn sáu trăm bốn mươi đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc 67.006.456đồng và 47.735.184đồng tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/11/2022.

Thời hạn thi hành: Thanh toán dứt điểm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: *Á*n phí dân sự sơ thẩm là 5.737.082đồng (Năm triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn không trăm tám mươi hai đồng) bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải nộp toàn bộ.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 2.074.000đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, theo biên lai thu số 0000547 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TP. HCM;
-VKSND quận B;
-THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Nguyệt